

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1283* /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ,
trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trong lĩnh vực
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ- TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 78 /TTr-SNN ngày 15/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Bưu điện tỉnh, huyện, xã thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Phụ lục số 11 Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ban hành kèm theo Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Bắc Giang).

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND

huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- Lưu: VT, KSTT.

Bản điện tử:

- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + CVP, các PVP UBND tỉnh;
 - + KT, Trung tâm Thông tin.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lại Thanh Sơn

Phụ lục 01

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN/KHÔNG THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI**

QUYỀN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*



TT	Tên thủ tục hành chính	Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		
		Thực hiện	Không thực hiện	
I				
Lĩnh vực thủy sản				
1	1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	x	
2	2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	x	
3	3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn	x	
4	4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP	x	
5	5	Thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	x	
6	6	Thủ tục xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm		x
7	7	Thủ tục kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu	x	
8	8	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm	x	
II				
Lĩnh vực nông nghiệp				
9	1	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	x	
10	2	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	x	
11	3	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	x	
12	4	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	x	
13	5	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm.	x	
14	6	Thủ tục tiếp nhận công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	

15	7	Cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cấp tỉnh (bao gồm: tiêm phòng, xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ động vật, phẫu thuật động vật; kinh doanh thuốc, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; tư vấn dịch vụ khác có liên quan đến thú y, thú y thủy sản	x	
16	8	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cấp tỉnh (bao gồm: tiêm phòng, xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ động vật, phẫu thuật động vật; kinh doanh thuốc, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; tư vấn dịch vụ khác có liên quan đến thú y, thú y thủy sản	x	
17	9	Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý.	x	
18	10	Cấp lại chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý.	x	
19	11	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản (đối với các cơ sở sản xuất, ương nuôi con giống; cơ sở thu gom kinh doanh giống thủy sản; cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung thuộc địa bàn cơ quan quản lý)	x	
20	12	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản	x	
21	13	Cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống	x	
22	14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	x	
23	15	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	x	
24	16	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	x	
25	17	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật		x

26	18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	x	
27	19	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	x	
28	20	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật		x
29	21	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	x	
30	22	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	x	
31	23	Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	x	
32	24	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	x	
33	25	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	x	
34	26	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	x	
35	27	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	x	
36	28	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	x	
37	29	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	x	
38	30	Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh		x
III		Lĩnh vực thủy lợi		
39	1	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	x	
40	2	Gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	x	
41	3	Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	x	
42	4	Cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trừ các trường hợp sau: Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới giành cho người tàn tật; Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có trọng tải,	x	

		Kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi;		
43	5	Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	x	
44	6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	x	
45	7	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 ngày 01/11/2004 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	x	
46	8	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	x	
47	9	Cấp giấy phép cho hoạt động cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều.	x	
48	10	Cấp giấy phép cho hoạt động khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều.	x	
49	11	Cấp giấy phép cho hoạt động xây dựng công qua đê; xây dựng công trình đặc biệt (<i> bao gồm: công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm; cửa khẩu qua đê, trạm bơm, âu thuyền; di tích lịch sử, văn hoá, khu phố cổ, làng cổ; cụm, tuyến dân cư trong vùng dân cư sống chung với lũ trên các cù lao</i>) trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông.	x	
50	12	Cấp giấy phép cho hoạt động xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 01 kilômét tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều.	x	
51	13	Cấp giấy phép cho hoạt động sử dụng đê, kè bảo vệ đê, công qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng.	x	
52	14	Cấp giấy phép cho hoạt động để vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông.	x	
53	15	Cấp giấy phép cho hoạt động Nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều.	x	
54	16	Cấp phép cho hoạt động xây dựng công trình ở bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng, <i> bao gồm công trình quốc phòng, an ninh, công trình giao thông, thủy lợi, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, trạm bơm, âu thuyền; xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt .</i>	x	
55	17	Cấp giấy phép cho hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đê điều.	x	

56	18	Cấp giấy phép cho hoạt động vận chuyển trên đê.	x	
57	19	Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	x	
58	20	Thẩm định điều chỉnh dự án, thiết kế cơ sở và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	x	
59	21	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	x	
60	22	Thẩm định điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán xây dựng công trình chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	x	
IV		Lĩnh vực lâm nghiệp		
61	1	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: cây trội, lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	x	
62	2	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	x	
63	3	Chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.	x	
64	4	Hủy bỏ Chứng chỉ công nhận nguồn giống đối với: Cây trội, lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hoá, rừng giống, vườn cây đầu dòng.		x
65	5	Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa ba loại rừng đối với những khu rừng do UBND tỉnh xác lập.		x
66	6	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích sử dụng khác.	x	
67	7	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn thiên nhiên thuộc địa phương quản lý.	x	
68	8	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường nằm trong phạm vi một tỉnh		x
69	9	Thẩm định phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	x	
70	10	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	x	
71	11	Thẩm định, phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới công ty lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	x	
72	12	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ chính gỗ rừng tự nhiên		x
73	13	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác chính, tận		x

		dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức		
74	14	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ		x
75	15	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ hoặc rừng đặc dụng.		x
76	16	Giao nộp Gấu cho Nhà nước	x	
77	17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản/ sinh trưởng các động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm (trừ các loài thuộc Phụ lục I Công ước CITES).	x	
78	18	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi Gấu	x	
79	19	Giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức		x
80	20	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm, nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng		x
81	21	Thu hồi rừng của tổ chức Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản		x
82	22	Thanh toán tiền bồi dưỡng cho các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia thực hiện nhiệm vụ đột xuất ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (trường hợp do Chủ tịch UBND tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm huy động lực lượng và phương tiện).		x
83	23	Thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng	x	
84	24	Thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm e, g, h và điểm i khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng	x	
85	25	Thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và khoản 2 Điều 26 ND số 23/2006/NĐ-CP	x	
86	26	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng tự nhiên là rừng		x

		sản xuất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn		
87	27	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	x	
88	28	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý		x
89	29	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý		x
90	30	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc Dự án do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	x	
91	31	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	x	
V		Lĩnh vực nông thôn mới		
92	1	Xác nhận đăng ký huyện đạt chuẩn nông thôn mới	x	
93	2	Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	x	
94	3	Thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	x	
VI		Lĩnh vực phát triển nông thôn		
95	1	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư	x	
96	2	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	x	
97	3	Công nhận làng nghề	x	
98	4	Công nhận nghề, làng nghề truyền thống	x	
99	5	Xét tặng danh hiệu nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề vào phát triển ở nông thôn	x	

Phụ lục 02

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN/KHÔNG THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 281 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

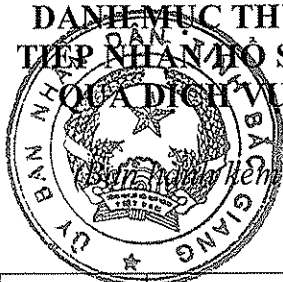


TT	Tên thủ tục hành chính	Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	
		Thực hiện	Không thực hiện
I			
Lĩnh vực thủy sản			
01	01	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	x
02	02	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn	x
03	03	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	x
04	04	Thủ tục xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm	
			x
II			
Lĩnh vực Lâm nghiệp			
05	01	Cấp giấy phép vận chuyển Gấu	x
06	02	Tiếp nhận gấu	x
07	03	Đóng dấu búa kiểm lâm	x
08	04	Thanh toán tiền bồi dưỡng cho tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia thực hiện nhiệm vụ đột xuất ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (trường hợp do Chủ tịch UBND huyện, thành phố; UBND xã, thị trấn huy động lực lượng và phương tiện hoặc tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia)	
			x

09	05	Nghiệm thu chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn		
10	06	Cấp Giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	x	
11	07	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	x	
12	08	Đăng ký bổ sung loài nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	x	
13	09	Xác nhận nguồn gốc lâm sản		x
14	10	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	x	
15	11	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	x	
16	12	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	x	
17	13	Giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn	x	
III		Lĩnh vực nông thôn mới		
18	01	Xác nhận đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới	x	
IV		Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT		
19	01	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	x	
20	02	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	x	
21	03	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	x	
22	04	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	x	
23	05	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	x	

Phụ lục 03

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN/KHÔNG THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN/HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**



*theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

TT	Tên thủ tục hành chính		Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	
			Thực hiện	Không thực hiện
I	Lĩnh vực nông nghiệp			
01	01	Cấp Sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng	x	
II	Lĩnh vực lâm nghiệp			
02	01	Đăng ký khai thác tre, nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình	x	
03	02	Đăng ký Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình đối với rừng trồng		x
04	03	Đăng ký Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh hay các hoạt động khai thác lâm sinh phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)		x
05	04	Đăng ký Khai thác rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ		x
06	05	Đăng ký Khai thác tận dụng những cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh đối với rừng trồng tự đầu tư hoặc nhà nước hỗ trợ của tổ chức, hộ gia đình		x
07	06	Đăng ký khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là hộ gia đình		x

08	07	Đăng ký khai thác cây trồng trong vườn nhà, trang trại cây trồng phân tán		x
09	08	Xác nhận của UBND cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên	x	
10	09	Xác nhận của UBND cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.	x	
III		Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT		
11	01	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	x	